TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 15/2025/DS-ST Ngày: 17-7-2025 V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C , TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Tuyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**.
2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C , tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông **Võ Hồng Linh**, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 127/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đỗ Thị L**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C , tỉnh Tiền Giang. (Nay là ấp T, xã B, tỉnh Đồng Tháp)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Huỳnh N** , sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp Đ , xã Đ , huyện C , tỉnh Tiền Giang (nay là ấp Đ , xã B, tỉnh Đồng Tháp).

Hoặc anh **Huỳnh Thanh B** , sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp D , xã Đ , huyện C , tỉnh Tiền Giang (nay là ấp D , xã B, tỉnh Đồng Tháp).

- *Bị đơn*:

+ Anh **Lê Văn C**, sinh năm 1985;

+ Chị **Trần Thanh T** , sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp A , xã A , huyện C , tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A , xã A , tỉnh Đồng Tháp).

(có mặt chị N , vắng mặt anh C và chị Trúc)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 26/12/2024 nguyên đơn Đỗ Thị L và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của chị L trình bày:*

Từ tháng 7/2023 âm lịch đến 07/10/2024 âm lịch, chị L nhiều lần cho vợ chồng anh C vay tiền với tổng số tiền 240.000.000 đồng, mỗi lần vay là anh C đều viết và ký tên, cụ thể N sau:

- Ngày 10/7/2023 âm lịch chị L cho vay 20.000.000 đồng. Thời hạn trả là 02 tháng.

- Ngày 14/7/2023 âm lịch cho vay 10.000.000 đồng. Thời hạn trả là 02 tháng.

- Ngày 14/8/2023 âm lịch cho vay 35.000.000 đồng.

- Ngày 19/8/2025 âm lịch cho vay 20.000.000 đồng.

- Ngày 22/8/2023 âm lịch cho vay 15.000.000 đồng.

- Ngày 18/9/2023 âm lịch cho vay 15.000.000 đồng, ghi thời hạn trả 02 tháng kể từ ngày vay.

- Ngày 06/10/2023 âm lịch cho vay 15.000.000 đồng, thời hạn trả 02 tháng.

- Ngày 12/10/2023 âm lịch cho vay 12.000.000 đồng, thời hạn trả 02 tháng.

- Ngày 16/4/2024 âm lịch, cho vay 30.000.000 đồng, thời hạn trả 03 tháng kể từ ngày vay.

- Ngày 07/10/2024 âm lịch cho vay 68.000.000 đồng.

Khi vay tuy không có vợ anh C ký tên anh C nói là vay để mua bán dừa và anh C đại diện ký tên trong biên nhận và thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 3%/tháng. Chị L đã nhiều lần liên hệ N ng vợ chồng anh C không trả vốn và lãi. Do đó, chị L yêu cầu anh C và chị Trúc liên đới trả số tiền còn nợ là 240.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực.

Tại phiên tòa, chị N trình bày: Quá trình vay có khi có mặt chị Trúc vợ anh C N ng không có ký tên trong biên nhận. Từ khi khởi kiện đến phiên tòa hôm nay thì anh C có trả được 7.000.000 đồng nên nay chị L yêu cầu trả 233.000.000 đồng.

** Quá trình giải quyết bị đơn là anh Lê Văn C trình bày:*

Anh thừa nhận anh có vay tiền của chị L theo các biên nhận chị L cung cấp và tổng số tiền là 240.000.000 đồng. N ng thực tế anh chỉ vay 130.000.000 đồng,

trong các biên nhận đều có lãi nên mới lên tới 240.000.000 đồng. Anh có trả được chị L 5.000.000 đồng. Anh cũng đồng ý trả nợ cho chị L 235.000.000 đồng N ng xin cho anh có thời gian xin chị L chốt lại số tiền trả, anh xin chị L giảm lãi. Đồng thời số tiền anh vay là để anh mua bán dừa N ng giữa anh và vợ anh đã mâu thuẫn từ lâu, 2 vợ chồng làm kinh tế riêng, hiện vợ chồng anh cũng chuẩn bị làm thủ tục ly hôn, và thời điểm anh vay thì chỉ mình anh làm biên nhận và nhận tiền nên xin Tòa xem xét.

* Bị đơn chị Trần Thanh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập đến Tòa án N ng chị Trúc không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do.

* Tại phiên tòa: Chị N đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày yêu cầu anh C trả số tiền còn nợ là 233.000.000 đồng và rút lại yêu cầu khởi kiện đối với chị Trúc, chỉ yêu cầu anh C trả nợ.

- Bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được nội dung vụ án.

- Đại diện Viện kiếm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng luật định.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn anh C và chị Trúc trả khoản nợ đã vay theo biên nhận đã ký với tổng số tiền 240.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có trả được 7.000.000 đồng, nên nguyên đơn yêu cầu trả 233.000.000 đồng. Anh C thừa nhận các biên nhận anh ký tên nợ chị L và đồng ý trả nợ nên yêu cầu về số tiền nợ là có cơ sở. Về nghĩa vụ liên đới, nguyên đơn yêu cầu chị Trúc liên đới anh C trả nợ là không có cơ sở vì biên nhận chỉ anh C ký tên, N ng tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với chị Trúc nên đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu này. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh C trả chị L số tiền còn nợ là 233.000.000 đồng, anh C chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền nợ vay và bị đơn đang cư trú tại xã A , Đồng Tháp nên Tòa án xác định tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1, Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 và Điều 280, Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Về tố tụng:

- Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn N ng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên căn cứ Điều 227, 228, 238, tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

- Phía nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với chị Trúc. Hội đồng xét xử xét thấy phía nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với chị Trúc nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc anh C trả số tiền nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về số tiền nợ: Phía nguyên đơn cung cấp các biên nhận chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn thể hiện anh C mượn chị L tổng cộng 240.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải, anh C thừa nhận anh có vay số tiền 240.000.000 đồng và đã trả cho chị L được 5.000.000 đồng, anh đồng ý trả số tiền nợ còn lại. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định từ khi hòa giải đến phiên tòa hôm nay anh C có trả thêm 2.000.000 đồng, hiện còn nợ 233.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc trả số tiền nợ 233.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh C có nghĩa vụ trả cho chị L 233.000.000 đồng tiền nợ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn anh C phải chịu án phí về số tiền phải trả theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quối hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025.

Căn cứ Điều 280, Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Mục 1 Phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp-Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quối hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị L.

- Buộc anh Lê Văn C có nghĩa vụ trả cho chị Đỗ Thị L 233.000.000 (Hai trăm ba mươi ba triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc chị Trần Thanh T liên đới anh Lê Văn C trả số nợ.

3. Về án phí:

- Anh Lê Văn C phải chịu 11.650.000 (Mười một triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại chị Đỗ Thị L 6.000.000 (Sáu triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008455 ngày 06/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C , tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1, Đồng Tháp).

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND KV 1, Đồng Tháp;
- Cơ quan THADS Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Tuyền